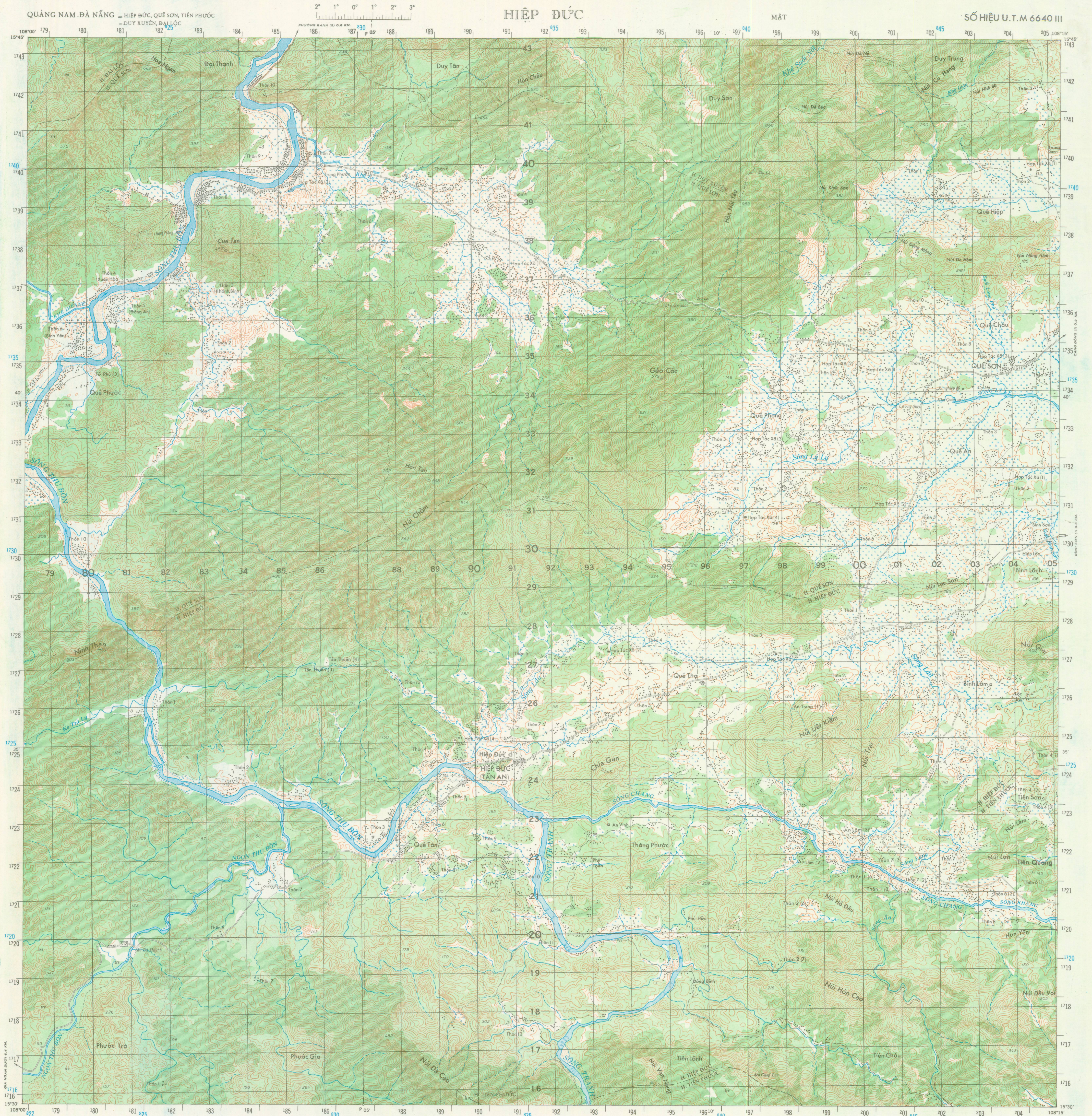




CỤC BẢN ĐỒ-BỘ TỔNG THAM MƯU - Q.Đ.N.Đ.V.N.

Tại bản lần thứ hai tại Đợt năm 1991 theo tài liệu

1 - 1:50.000 U.T.M. in năm 1988

2 - Dự chỉnh sửa giới hạn chính thức theo tài liệu năm 1990

3 - Đường vẽ theo 1:500.000 giao thông năm 1988

Chú ý: Độ cao chưa được kiểm tra ở thực địa

ĐỘ LỆCH TỪ ĐO NĂM 1970

GÓC ĐỘ	LY CÁCH	6000	6400
0°48'	0-13	0-14	
0°10'	0-28	0-29	
0°44'	0-11	0-12	
0°51'	0-14	0-15	

MŨI 48

MŨI 49

1:50.000

1cm bằng 500m thực địa

Khả năng cao đều đường bình độ cao bản là 20m đường bình độ phụ là 10m

E-LIP QUẢ ĐẤT E-VI-RÉT, CHẾU HÌNH U.T.M, MŨI 49

GÓC ĐAI ĐAI ẮN ĐỘ 1960. GÓC ĐỘ CAO HÀ TIỀN

CHÚ Ý: Các mốc đo người khảng và số tọa độ xanh là lưới độ cao nước 48

THƯỚC ĐỘ ĐỐC

Đề đo khoảng cao đầu 20m

Đề đo khoảng cao đầu 100m

DÁNG ĐẤT

ĐỊA GIỚI

H. Đới Lược	H. Dục Xuyên	T. Quảng Nam-Đà Nẵng	H. Quốc Sơn	H. Hiệp Đức	H. Tiên Phước
6540 I	6640 IV	6640 I	6540 II	6640 III	6640 II
6539 I	6639 IV	6639 I	6539 II	6639 III	6639 II

BẢNG CHẬP

6540 I	6640 IV	6640 I
6540 II	6640 III	6640 II
6539 I	6639 IV	6639 I

HIỆP ĐỨC 6640 III

Đường sắt rộng 1m
Đường sắt rộng 1m45
Đường sắt rộng 1m và 1m45
Đường gong, đường xe điện
Đường sắt đang làm hoặc bắc ray
Đường lăm
Đường sắt và nhà ga
Đường rẽ trong ga
Đường ô tô lớn
Đường quốc lộ. Tên đường. Tính chất rải mặt
Liên tỉnh lộ, tỉnh lộ. Tên đường. Tính chất rải mặt
Đường ô tô không rải mặt. Độ rộng mặt đường

Đường ô tô đang làm
Đường đất nhỏ
Đường mòn
Đường đắp cao, xe sủ
Đề ô tô không đi được
Biên giới nước. Cột mốc
Địa giới tỉnh, thành phố
Địa giới quận, huyện, thị xã
Địa giới xã, thị trấn
Các loại ranh giới khác
Tường và công thành
Các loại tường vữa

Khu phố nhà gạch
Khu phố nhà lá
Khu phố bị phá hoại
Làng, xóm, bản
Nhà dột xuất
Nhà máy có ống khói không có ống khói
Ông khời nhà máy. Trạm khí tượng
Trạm bưu điện. Trạm thu phát tin hiệu
Trạm phát điện, biến thế điện. Lò nung
Tháp cột cao. Tháp cổ
Sân vận động. Sân kho hợp tác xã
Nghĩa trang, nghĩa địa

Tượng đài, bia hàng
Nhà thờ, đình, chùa lớn
Nhà thờ, đình, chùa nhỏ
Trường học. Bệnh viện
Chợ. Lò cốt
Kho nhiên liệu. Đá độc lập
Cây độc lập. Đèn cây có 5 nghĩa phương vị
Sân bay cấp 1, 2, 3, cấp 4
Hầm mỏ: đang khai thác; ngừng khai thác
Mỏ lộ thiên
Độ cao: đã kiểm tra; chưa kiểm tra
Trụ sở U. B. N. D. xã; thị trấn, huyện, quận, tỉnh, thành phố

Đường dây điện cao thế
Đường ống dẫn nước, dầu, khí
Giếng nước. Nguồn nước
Ruộng muối
Ruộng cấy
Mương đào
Mương có bờ đắp 2 bên, 1 bên
Sông hồ có nước quanh năm
Sông hồ có nước từng mùa
Độc động liên bờ
Độc động xa bờ
Hương nước chảy

Cầu ung ô tô đi trên
Cầu đường sắt và đường ô tô đi chung
Cầu đường sắt và đường ô tô đi sắt chung
Ngầm ô tô qua được
Bến phà
Bến đò
Thác
Chánh
Đập ô tô qua được
Đập ô tô không qua được
Ấu thuyền
Cầu, cống

Bãi cát, sỏi, cuội
Bãi bãi
Bãi đá lăm chồm
Bờ có gia cố
Ká cản nước, đá chắn sóng
Cột tín hiệu. Cầu tàu kầu đá
Bến tàu thuyền, chỗ bỏ neo
Đàn biển
Chỗ tàu đắm
Đá nhô trên mặt nước. Đá ngầm
Đá lác nhô lên, lác ngầm. Sơn hô
Đường bình độ sâu. Điểm độ sâu

Rừng già
Rừng thưa, bụi rậm.
Rừng người trồng cao trên 4m
Rừng người trồng từ 4m trở xuống
Ruộng lúa
Hạt màu
Bãi cát, sỏi trên cạn
Bãi đá tảng
Núi đất
Núi đá
Và bằng đương bình độ
Và bằng mặt chất tương trưng